

Bản án số: 1125/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 30/11/2023
Vụ án “Tranh chấp về ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Thẩm phán: 1. Bà Đoàn Thị Trang.

2. Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30/11/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 78 /2023/TLPT-HNGĐ ngày 11/10/2023 “Tranh chấp về ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số 747/2023/HNGĐ-ST ngày 14/7/2023 của Toà án nhân dân huyện Hóc Môn Thành phố Hồ Chí Minh bị nguyên đơn, bị đơn kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5088/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 30/10/2023 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lý Huệ L, sinh năm 1959; địa chỉ: 36C/24 Đường 762 Hồng B, Phường X, Quận Y, Thành phố H (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về yêu cầu chia tài sản: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1977; địa chỉ: 51/5A ấp Trung L, xã Bà Đ, huyện Hóc M, Tp. H – Giấy ủy quyền số công chứng 005031 quyền số 08/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/8/2023 của Văn phòng công chứng Lê Văn Tiến (có mặt).

Bị đơn: Ông Đặng Thành C, sinh năm 1966; địa chỉ: 133/6 ấp X, xã Xuân Thới T, huyện Hóc M, Thành phố H (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Xuân P -

Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn P, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 9/1A khu phố X, thị trấn Hóc M, huyện Hóc M, Thành phố H (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Mỹ T, sinh năm 1991; địa chỉ: 133/6 ấp X, xã Xuân Thới T, huyện Hóc M, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 14/6/2018, đơn yêu cầu ngày 25/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lý Huệ L trình bày:

Bà và ông Đặng Thành C chung sống từ năm 1990, được Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/8/1990. Vợ chồng chung sống hạnh phúc tại Quận 11, khi về Hóc Môn sinh sống từ năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân khoảng 10 năm. Sau khi con gái đi lấy chồng tháng 10/2019, bà về Quận 11 thì ông C thay khóa, không cho bà vào nhà. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, sống ly thân, bỏ mặc nhau nhiều năm nên bà yêu cầu ly hôn với ông C. Vợ chồng bà có 01 con chung là Đặng Mỹ T, sinh ngày 08/10/1991 đã đủ 18 tuổi.

Vợ chồng bà có tài sản chung là nhà và đất tại 133/6 ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, thuộc thửa đất số 1516, tờ bản đồ số 47, diện tích 300.8m², tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 tường gạch, mái tole, nền gạch men, trần nhựa, cột gạch, diện tích xây dựng 68.3m², theo Giấy chứng nhận số BQ 528894, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01143 ngày 07/11/2013. Bà yêu cầu chia đôi tài sản chung và yêu cầu được nhận 1/2 giá trị tài sản chung bằng tiền theo giá trị thẩm định giá. Vợ chồng bà không có nợ chung.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/3/2019, đơn trình bày ý kiến ngày 25/10/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Thành C trình bày:

Ông đồng ý thống nhất nội dung trình bày của vợ ông là Lý Huệ L về việc chung sống, kết hôn, con chung, nợ chung nhưng không đồng ý nội dung trình bày của bà L về thời điểm xảy ra mâu thuẫn và về tài sản chung. Cụ thể: vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn từ năm 1991, do bà L ham mê cờ bạc phải dời nhà từ Quận 11 về Hóc Môn để trốn nợ từ năm 2010, ông đã can ngăn nhưng bà L không sửa đổi, vợ chồng không có mâu thuẫn khác. Ông mong bà L từ bỏ cờ bạc để vợ chồng đoàn tụ nên ông không đồng ý ly hôn.

Ông và bà L được cấp Giấy chứng nhận số BQ 528894, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01143 ngày 07/11/2013, đối với căn nhà 68.3m² tại 133/6 ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, thuộc thửa đất 1516, tờ bản đồ số 47, diện tích 300.8m². Việc đứng tên chung là để dễ làm giấy tờ theo lời của dịch vụ làm giấy tờ, còn thực tế đất do mẹ ruột cho riêng ông từ năm 1987, nhà do ông tự tạo lập, bà L không có đóng góp. Vì vậy, đây là tài sản riêng của ông nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của bà L.

Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 13/11/2018, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan chị Đặng Mỹ T trình bày: Chị là con gái của ông Đặng Thành C và bà Lý Huệ L. Cha mẹ của chị thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn rất trầm trọng, cha của chị có người phụ nữ khác, cha mẹ đã sống ly thân từ năm 2010. Căn nhà 133/6 ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn là tài sản chung của cha mẹ, chị không liên quan và không có ý kiến, không có yêu cầu gì. Chị xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cam kết không thắc mắc, khiếu nại gì về sau.

Tại Bản án sơ thẩm số 747/2023/HNGĐ-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Huệ L:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Huệ L được ly hôn với ông Đặng Thành C.

- Về con chung: có 01 con chung là Đặng Mỹ T sinh ngày 08 tháng 10 năm 1991. Con chung đã đủ 18 tuổi.

- Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Huệ L, về yêu cầu chia tài sản khi ly hôn:

2.1. Xác định nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 133/6 ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất 1516, tờ bản đồ số 47, diện tích 300.8m², diện tích xây dựng 68.3m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 528894, số vào sổ cấp GCN: CH 01143 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn ngày 07/11/2013 là tài sản chung của ông Đặng Thành C và bà Lý Huệ L trong thời kỳ hôn nhân.

2.2. Chia cho ông Đặng Thành C quản lý, sử dụng tài sản chung nêu trên. Ông Đặng Thành C phải thanh toán cho bà Lý Huệ L số tiền 2.493.433.847 đồng.

Sau khi thanh toán đủ số tiền nêu trên cho bà Lý Huệ L, ông Đặng Thành C được quyền tiến hành các thủ tục xin cấp đổi, hoặc xin cập nhật biến động liên quan đến giấy tờ được cấp đổi với tài sản chung nêu trên tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 27/7/2023 bị đơn ông Đặng Thành C kháng cáo 01 phần bản án sơ thẩm: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản chung.

Ngày 28/7/2023 bị đơn bà Lý Huệ L kháng cáo 01 phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung : yêu cầu chia cho bà được hưởng 1/2 giá trị quyền sử dụng đất.

Ngày 31/7/2023 Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị 01 phần bản án sơ thẩm : Đề nghị chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn, chia cho nguyên đơn 1/2 giá trị quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Bị đơn ông Đặng Thành C giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày : Nguyên đơn không chứng minh được cùng tạo lập tài sản, không có văn bản hợp đồng tặng cho theo quy định của Bộ luật dân sự, tờ cam kết không phải là văn bản hợp đồng tặng cho. Năm 1987 ông C nhận tài sản tặng cho trước khi kết hôn. Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng xác nhận nguồn gốc đất do bà Thanh sử dụng trước năm 1987. Bị đơn ông C xây dựng nhà trên phần đất được tặng cho ông C. Mặc dù trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên 02 vợ chồng nhưng các chứng cứ xác định ông C được tặng cho riêng. Ông C giữ gìn, xây dựng nhà trên đất, quản lý sử dụng nhà 13 năm. Nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh công sức đóng góp. Đề nghị xem xét nguồn gốc hình thành tài sản, công sức của ông C. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông C.

Viện kiểm sát phát biểu :

Về tố tụng: Quá trình tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của bà L, ông C, kháng nghị trong thời hạn luật định.

Về nội dung : Quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng nguồn gốc đất do được bà Thanh – mẹ ông C tặng cho chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Nhà do vợ chồng ông C, bà L xây dựng.

Nhưng xét về nguồn gốc để có được tài sản là do gia đình ông C cho. Do vậy khi chia phần đất cần thiết chia cho ông C 60% giá trị, bà L nhận 40% giá trị. Phần giá trị nhà ông C, bà L mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị.

Theo kết quả thẩm định giá thì giá trị quyền sử dụng đất là 7.189.010.578, giá trị công trình xây dựng là 194.193.975đ.

Tổng số tiền ông C được nhận 4.410.503.333đ ; bà L được nhận 2.972.701.218đ. Ông C được nhận nhà, đất và có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền 2.972.701.218đ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và một phần kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa 01 phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đúng thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều

273, 278, 279, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Mỹ T vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 528894, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01143 ngày 07/11/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn và Tờ cam kết ngày 14/8/2013 của bà Phan Ngọc Thanh thì nhà đất tại địa chỉ 133/6 ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn Thành phố Hồ Chí Minh thửa đất số 1516, tờ bản đồ số 47, diện tích 300.8m², diện tích xây dựng 68.3m² là tài sản chung của vợ chồng ông C, bà L. Nguồn gốc quyền sử dụng đất do được tặng cho chung, nhà do vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì, phát triển tài sản chung là như nhau nên mỗi người được chia ½ giá trị tài sản chung nêu trên. Bà L và ông C thống nhất xác định giá trị nhà đất nêu trên là 7.383.204.553đ nên mỗi người được chia ½ giá trị là 3.691.602.276đ.

Do ông C đang sinh sống tại nhà đất nêu trên nên chia hiện vật cho ông C được sở hữu, sử dụng nhà đất tại địa chỉ 133/6 ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn Thành phố Hồ Chí Minh. Ông C phải hoàn trả ½ giá trị nhà đất cho bà L là 3.691.602.276đ. Sau khi Ông C đã hoàn trả đủ cho bà L 3.691.602.276đ thì ông C được quyền tiến hành các thủ tục xin cấp đổi, hoặc xin cập nhật biến động đối với quyền sở hữu, sử dụng nhà đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm chia cho mỗi bên được sở hữu ½ giá trị nhà là có căn cứ, tuy nhiên chia cho ông C 2/3 giá trị quyền sử dụng đất, bà L ½ giá trị quyền sử dụng đất là không phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 7 Thông tư 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân gia đình: Bà Lý Huệ L được miễn nộp tiền án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Án phí dân sự: Bà Lý Huệ L được miễn nộp tiền án phí dân sự do thuộc trường hợp người cao tuổi. Ông Đặng Thành C phải chịu 105.832.046đ.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông C, bà L mỗi người phải chịu ½ chi phí tố tụng. Do bà L đã nộp đủ chi phí tố tụng là 13.154.610đ nên ông C phải hoàn trả cho bà L ½ chi phí tố tụng là 6.577.305đ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 12, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà L, ông C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165; Điều 266; Điều 273, khoản 2 Điều 148, Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 33, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, b khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lý Huệ L và kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đặng Thành C, sửa một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Huệ L:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Huệ L được ly hôn với ông Đặng Thành C.
- Về việc nuôi con: Đặng Mỹ T sinh ngày 08 tháng 10 năm 1991 đã đủ 18 tuổi.
- Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về chia tài sản chung:

2.1. Công nhận nhà đất tại địa chỉ số 133/6 ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất 1516, tờ bản đồ số 47, diện tích 300.8m², diện tích xây dựng 68.3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 528894, số vào sổ cấp GCN: CH 01143 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp ngày 07/11/2013 là tài sản chung vợ chồng của ông Đặng Thành C và bà Lý Huệ L trong thời kỳ hôn nhân.

2.2. Chia cho ông Đặng Thành C và bà Lý Huệ L mỗi người được sở hữu ½ giá trị nhà đất tại địa chỉ 133/6 ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn Thành phố Hồ Chí Minh là 3.691.602.276đ (ba tỷ sáu trăm chín mươi một triệu sáu trăm lẻ hai nghìn hai trăm bảy mươi sáu đồng).

Giao cho ông Đặng Thành C được quyền sở hữu nhà, sử dụng đất tại địa chỉ số 133/6 ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí

Minh thuộc thửa đất 1516, tờ bản đồ số 47, diện tích 300.8m², diện tích xây dựng 68.3m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 528894, số vào sổ cấp GCN: CH 01143 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp ngày 07/11/2013. Ông Đặng Thành C phải thanh toán cho bà Lý Huệ L 3.691.602.276đ (ba tỷ sáu trăm chín mươi một triệu sáu trăm lẻ hai nghìn hai trăm bảy mươi sáu đồng).

Sau khi đã thanh toán đủ số tiền 3.691.602.276đ (ba tỷ sáu trăm chín mươi một triệu sáu trăm lẻ hai nghìn hai trăm bảy mươi sáu đồng) cho bà Lý Huệ L, ông Đặng Thành C được quyền tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà đất tại địa chỉ 133/6 ấp 3, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Đặng Thành C có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lý Huệ L số tiền đo vẽ, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là 6.577.305 đ (sáu triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm lẻ năm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành.

4. Về án phí

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm

- Án phí hôn nhân và gia đình:

Bà Lý Huệ L được miễn nộp tiền án phí. Hoàn trả cho bà Lý Huệ L tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0018736 ngày 26/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự:

+ Bà Lý Huệ L được miễn nộp tiền án phí. Hoàn trả cho bà Lý Huệ L tiền tạm ứng án phí đã nộp 41.000.000đ (bốn mươi một triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0004105 ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

+ Ông Đặng Thành C phải chịu số tiền 105.832.046đ (một trăm lẻ năm triệu tám trăm ba mươi hai nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng)

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Lý Huệ L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Đặng Thành C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Đặng Thành C số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0016718 ngày 27/7/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND, VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKS, TA, THA huyện Hóc Môn;
- Đương sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án (T/25)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Trần Thanh Minh

Số: /2022/HNPT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc, giờ ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh

Các Thẩm phán: 1. Bà Hoàng Thị Bích Duyên;
2. Bà Quách Thanh Bình

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 03/2022/TLPT-HNGĐ ngày 11/02/2022 “ Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số 334/2021/HNGĐ-ST ngày 07/12/2021 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 511/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân Tp.HCM , giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn S, sinh năm 1960 ;

Địa chỉ: Số 84 đường Trần Hưng Đ, phường Phạm Ngũ L, Quận X, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1981 - Đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/10/2020). (có mặt)

2. *Bị đơn*: Bà Lê Thị Ánh H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 84 đường Trần Hưng Đ, phường Phạm Ngũ L, Quận X, Thành phố H (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1988 – Đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/01/2021) (có mặt).

Người tham gia tố tụng khác:

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Lê Thanh B, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số 84 đường Trần Hưng Đ, phường Phạm Ngũ L, Quận X, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Ánh H - Đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số công chứng 004278 quyền số 04/2021 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 26/4/2021 tại Phòng công chứng số 1) (có mặt).

2. Ông Lê Trường T, sinh năm 1988 (có mặt).

3. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1990 (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

4. Trẻ Lê Duy Anh Q, sinh năm 2017 (người đại diện hợp pháp là ông Lê Trường T và bà Phạm Thị N) (ông T có mặt, bà N vắng mặt).

5. Trẻ Lê Nhật Minh Đ, sinh năm 2019 (người đại diện hợp pháp là ông Lê Trường T và bà Phạm Thị N) (ông Th có mặt, bà N vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 57/24 đường Bùi V, phường Phạm Ngũ L, Quận X, Thành phố H.

6. Công ty TNHH V Travel;

Địa chỉ: Số 112 đường Bùi V, phường Phạm Ngũ L, Quận X, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Minh H – Đại diện theo pháp luật (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

7. Bà Đặng Thị Ngọc T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 33/2 đường Thân Văn N, phường An P, thành phố T, thành phố H (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Chu Tấn H, sinh năm 1968- Luật sư của Công ty Luật TNHH DL Pinnacle, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

I. Quan hệ pháp luật cần giải quyết:

Áp dụng 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự : “Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

II Tuyên xử:

- Căn cứ vào Khoản 2, Điều 148; Khoản 3, Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 3, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Hủy Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 334/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận 1, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 1 thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

III. Án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Ánh H không phải chịu. Hoàn trả cho bà Lê Thị Ánh H số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0005276 ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

IV. Hiệu lực của bản án:

Căn cứ khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

Việc nghị án kết thúc lúc giờ phút cùng ngày. Các thành viên Hội đồng xét xử đã đọc và đồng ý ký tên./.

Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Bích Duyên

Quách Thanh Bình

Trần Thanh Minh